

Bản án số 184/2021/HS-ST

Ngày 30 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hà.

Thẩm phán: Ông Phạm Văn Phấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Mai Khanh

Bà Hồ Thị Thanh Thủy

Bà Hoàng Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Mạnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Lương Đình Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 143/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 10 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 227/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. **Thái Văn Đ**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 23 tháng 3 năm 1995 tại huyện H, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm V, xã L, huyện H, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thái Văn S và bà Trần Thị Hương G; vợ con: Chưa có. Tiền án: Ngày 25 tháng 02 năm 2015, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 05 năm 06 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 28 tháng 01 năm 2020. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 03 tháng 11 năm 2010, bị Công an huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An xử phạt cảnh cáo về hành vi “Đánh bạc”; ngày 01 tháng 3 năm 2011, bị Công an huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An đưa vào trường giáo dưỡng về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29 tháng 3 năm 2021; có mặt tại phiên tòa.

2. **Võ Trung H**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 30 tháng 5 năm 1991 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới

tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn C (đã chết) và bà Hoàng Thị H; có vợ là Trần Thị Ngọc Á và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 08 tháng 6 năm 2008, bị Công an Phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt cảnh cáo về hành vi “Đánh nhau”; ngày 09 tháng 9 năm 2008, bị Công an Phường Trường Thi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt vi phạm hành chính 100.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”; ngày 30 tháng 9 năm 2013, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”; ngày 28 tháng 3 năm 2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 29 tháng 7 năm 2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 3 năm 2021; có mặt tại phiên tòa.

3. **Hoàng Văn G**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 14 tháng 7 năm 1992 tại thành phố V, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm H3, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D (đã chết) và bà Dương Thị H; vợ con: Chưa có; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 02 tháng 02 năm 2016, bị Công an thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính 4.000.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng có mang theo vũ khí thô sơ” (đã thi hành xong ngày 18 tháng 10 năm 2021); nhân thân: Ngày 15 tháng 01 năm 2014, bị Phòng Cảnh sát phòng chống tội phạm về Môi trường, Công an tỉnh Nghệ An xử phạt hành chính 5.000.000 đồng về hành vi “Vận chuyển pháo nổ trái phép”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến ngày 09 tháng 4 năm 2021 được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

4. **Trần Viết T**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 08 tháng 11 năm 1991 tại huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 1, xã N6, huyện N, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Viết T6 và bà Lê Thị B; có vợ là Lê Thị M và có 03 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến ngày 09 tháng 4 năm 2021 được tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

5. **Nguyễn Văn T1**, tên gọi khác: Không; sinh ngày 13 tháng 7 năm 1993 tại huyện N, tỉnh Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 10, xã N7, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tr3 và bà Phạm Thị E; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 23 tháng 02 năm 2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 08 tháng 6 năm 2012, bị Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại bản án ngày 23 tháng 02 năm 2012 của Tòa án nhân dân huyện Đăk Song, tỉnh Đăk Nông, buộc Nguyễn Văn T1 phải

chấp hành hình phạt chung là 02 năm 06 tháng tù; ngày 04 tháng 12 năm 2012, bị Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil, tỉnh Đăk nông xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, tổng hợp hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk, buộc Nguyễn Văn T1 phải chấp hành hình phạt chung là 03 năm 09 tháng tù (chấp hành xong hình phạt tù ngày 23 tháng 01 năm 2015); ngày 15 tháng 11 năm 2021, bị Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến ngày 09 tháng 4 năm 2021 được tại ngoại, sau đó phạm tội mới và bị tạm giam từ ngày 31 tháng 7 năm 2021; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Thái Văn Đ:* Bà Phan Thị Sự, Luật sư thuộc Văn phòng Luật sư Dung Sự và Cộng sự, Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Anh Đậu Trường Đ, sinh năm 1974 và chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ dân phố 3, Khối 4B, thị trấn A, huyện A, tỉnh Nghệ An; chị T2 vắng mặt, anh Đ có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Quốc T, sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm 5, xã N, thành phố V, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 14 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2021, Thái Văn Đ gọi điện cho Võ Trung H nói H rủ người tham gia đánh bạc, H gọi điện rủ Hoàng Văn G thì G đồng ý, H điều khiển ô tô biển kiểm soát 37A - 753.28 chở Lê Duy T6 đi đón G. Sau khi đến đón G, H tiếp tục đến Khách sạn Mường Thanh đón Đ và Nguyễn Văn H3. Trên đường đi đón các đối tượng này, H gọi điện rủ Trần Viết T đến đánh bạc thì T đồng ý. Sau đó, T gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn T1 đi cùng và T1 rủ 01 nam thanh niên tên P (chưa xác định nhân thân, lai lịch) cùng đi đánh bạc. H chở những người trên về tại ngôi nhà của anh Phan Văn Đ (không người ở, nhờ H trông coi, đối diện của nhà H) tại xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Tại đây, H lấy bộ bài tú lơ khơ ra cắt 04 quân đi (quân vị) rồi đưa cho Đ, G, T, T1 và đối tượng P đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, với mức đặt cửa tùy thích, thấp nhất là 500.000 đồng, cao nhất là 5.000.000 đồng. Khi vào đánh bạc, Hoàng Văn G sử dụng 3.500.000 đồng, Trần Viết T sử dụng 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn T1 sử dụng 20.000.000 đồng, Thái Văn Đ sử dụng 90.000.000 đồng để đánh bạc. Lúc đầu, Đ là người cầm cái, đánh được khoảng 30 phút thì G thua hết tiền và nghỉ; sau đó, T là người cầm cái, đánh được một lúc thì T1 thua hết tiền nên nghỉ chơi. Quá trình đánh bạc, Đ thua hết tiền mặt và nợ T 110.000.000 đồng nên Đ sử dụng tài khoản số 2340999999 mang tên Nguyễn Thị H6 (H6 là người yêu của Đ) chuyển khoản vào tài khoản của T 110.100.000

đồng; T cũng thua hết tiền mặt và nợ P 40.000.000 đồng. Do P không sử dụng tài khoản nên T nhờ H đứng ra nhận nợ để T tiếp tục vay tiền P để đánh bạc; H đồng ý đứng ra cho T đánh nợ và T nợ thêm P số tiền 60.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc mà T nợ P là 100.000.000 đồng. Sau đó, T nghỉ chơi, Đ tiếp tục đánh bạc với P và đặt cược từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Đến 18 giờ cùng ngày, Đ và P nghỉ đánh bạc và mọi người ra về. Theo Đ khai thì Đ còn nợ P 390.000.000 đồng. Sau đó, T đã trả 40.000.000 đồng tiền đánh bạc cho P. Đến ngày 28 tháng 02 năm 2021, T đã đưa cho H số tiền 60.000.000 đồng để trả tiền đánh bạc mà H đứng ra nợ với P.

Chiều tối cùng ngày, Thái Văn Đ rủ Võ Trung H đi vay tiền trả nợ cho P và gặp anh Nguyễn Văn Nh. Anh Nh nói với Đ, nếu Đ có xe thì cầm cho Đ số tiền 250.000.000 đồng. Đ nảy sinh ý định thuê xe ô tô để cầm lấy tiền trả nợ, Đ nhờ H đi thuê xe ô tô tự lái (do Đ không có bằng lái xe ô tô) thì H đồng ý. Đến khoảng 15 giờ ngày 27 tháng 02 năm 2021, Đ cùng Huy, H đến gặp anh Nguyễn Quốc T tại Số nhà 312, Đường N, thành phố V, tỉnh Nghệ An là quản lý cơ sở kinh doanh ô tô cho thuê xe tự lái. Anh T đồng ý cho Đ, H thuê một chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, loại xe Tucson, màu đen, biển kiểm soát 37A - 653.67 với giá 1.000.000 đồng/01 ngày; Đ chuyển khoản cho anh T 5.000.000 đồng để đặt cọc. Sau khi thuê được xe, Đ đưa xe đến cầm cho anh Nh với số tiền 250.000.000 đồng, anh Nh đã chuyển khoản 200.000.000 đồng và đưa tiền cho Đ 32.5000.000 đồng tiền mặt (do đã trừ đi 17.500.000 đồng tiền lãi). Do không có tiền mặt nên Đ dùng tài khoản chuyển 100.000.000 đồng vào số tài khoản của anh Nguyễn Trọng H và nhờ H đi rút tiền mặt về đưa cho Đ (số tiền này, theo Đ khai đã trả cho P 70.000.000 đồng số tiền nợ đánh bạc). Quá thời hạn trả nợ (10 ngày), do không có tiền trả cho Nh, Đ đã nhờ Nh làm giả giấy tờ đăng ký xe ô tô và giấy phép lái xe để mang đi cầm ở nơi khác lấy tiền. Khoảng 03 ngày sau, Nh đưa giấy tờ giả cho Đ. Ngày 07 tháng 3 năm 2021, Nh điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 37A - 653.67 chở Đ, H và Võ Văn A đi lên nhà của Nguyễn Thành V tại xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An nhờ anh V tìm người để cầm cầm xe ô tô. Anh V và Đ đưa xe ô tô lên thị trấn A nhờ anh Nguyễn Sỹ M cầm cầm, anh M gọi điện cho anh Đậu Trường Đ và được anh Đ đồng ý. Sau đó, anh M điều khiển xe chở Đ đến nhà anh Đ; tại đây, anh Đ kiểm tra xe, giấy tờ xe và cho Đ cầm cầm xe ô tô biển kiểm soát 37A - 653.67 lấy số tiền 600.000.000 đồng trong thời hạn 30 ngày và thỏa thuận nếu trong vòng 30 ngày mà Đ không lên trả tiền để lấy xe thì xe này sẽ sang tên cho anh Đ còn tiền lãi sẽ tính sau. Sau đó, chị Nguyễn Thị T2 (vợ anh Đ) đưa cho Đ 600.000.000 đồng. Số tiền này, Đ cho anh V 10.000.000 đồng, trả cho Nh 300.000.000 đồng, còn lại Đ tiêu xài cá nhân hết. Ngày 27 tháng 3 năm 2021, do quá hạn thuê xe và khi kiểm tra định vị không thấy xe cho thuê nên anh Nguyễn Quốc T làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An.

Tại Kết luận định giá số 03/KL-HĐĐGTS ngày 02 tháng 4 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản tỉnh Nghệ An kết luận: Một chiếc xe ô tô nhãn hiệu

Hyundai, số loại: Tucson 2.0 FULL, màu đen, sản xuất năm 2019, biển kiểm soát 37A - 653.67, xe đã qua sử dụng, có mức giá 650.000.000 đồng.

Tại Kết luận giám định số 141/KL-PC09(Đ3) ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Nghệ An kết luận: Giấy “CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ XE Ô TÔ” số 109617 mang tên Thái Văn Đ và “GIẤY PHÉP LÁI XE” số 473208987876 mang tên Thái Văn Đ gửi tới giám định là giả.

Về bồi thường dân sự: Anh Nguyễn Quốc T không yêu cầu Thái Văn Đ bồi thường dân sự; anh Đậu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2 yêu cầu Thái Văn Đ trả lại số tiền 600.000.000 đồng.

Bản Cáo trạng số 183/CT-VKS-P2 ngày 17 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Thái Văn Đ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Đánh bạc” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 2 Điều 321 và khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; truy tố các bị cáo Võ Trung H, Hoàng Văn G, Trần Viết T và Nguyễn Văn T1 về tội “Đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 2 Điều 321, khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Thái Văn Đ từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội “Đánh bạc” và từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”, tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Thái Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 15 năm 06 tháng đến 17 năm tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Trung H từ 15 đến 18 tháng tù về tội “Đánh bạc”; tổng hợp hình phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 205/2021/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo Võ Trung H chấp hành hình phạt chung từ 21 đến 24 tháng tù. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 từ 36 đến 42 tháng tù về “Đánh bạc”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn G từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; xử phạt bị cáo Trần Viết T từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”. Về truy thu tiền do phạm tội mà có, đề nghị truy thu bị cáo Võ Trung H số tiền 60.000.000 đồng, truy thu bị cáo Trần Viết T 10.100.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo Thái Văn Đ phải bồi thường cho anh Đậu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2 số tiền 600.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cH màu xanh, vàng; 01 chiếc chăn màu đỏ và 05 bộ bài tú lơ khơ; tịch thu sung ngân sách Nhà nước các

điện thoại thu giữ của các bị cáo; trả cho anh Đậu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2 số tiền 10.000.000 đồng anh Nguyễn Thành Vinh đã giao nộp. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm; bị cáo Thái Văn Đ còn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo Thái Văn Đ không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt, bố mẹ đã ly hôn, bị cáo ở với ông bà nội nội đã già yếu nên tH đi sự chăm sóc, dạy dỗ của bố mẹ. Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo sử dụng tài liệu giả là do bị Nh rủ rê; bị cáo khai ông bà nội có công với cách mạng nhưng do dịch Covid - 19 nên chưa có điều kiện để chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức án mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị để bị cáo sớm về với gia đình và xã hội, phụng dưỡng ông bà nội già yếu.

Bị cáo Thái Văn Đ đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, không tranh luận gì với Đại diện Viện kiểm sát, bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo Võ Trung H, Trần Viết T, Hoàng Văn G và Nguyễn Văn T1 không tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để cải tạo, sớm về với gia đình và xã hội.

Người bị hại anh Đậu Trường Đ không có ý kiến gì về hình phạt đối với bị cáo Thái Văn Đ, đề nghị Thái Văn Đ bồi thường cho anh số tiền 600.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, các bị cáo, Luật sư bào chữa, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về các hành vi, quyết định tố tụng này.

[2] Về hành vi phạm tội và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa, các bị cáo Thái Văn Đ, Võ Trung H, Hoàng Văn G, Trần Viết T và Nguyễn Văn T1 thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố. Xét thấy lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với kết luận giám định, kết luận định giá tài sản, biên bản thu giữ vật chứng, sao kê ngân hàng chuyển tiền và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thẩm tra; có đủ căn cứ xác định: Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 18 giờ ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại ngôi nhà của anh Phan Văn Đ (không có người ở, nhờ H trông coi, đối diện của nhà H), các bị cáo Thái Văn Đ, Võ Trung H, Hoàng Văn G, Nguyễn Văn T1, Trần Viết T và một đối tượng tên

P (không có lai lịch, địa chỉ cụ thể) đã đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, số tiền đặt cược mỗi ván từ 500.000 đồng đến 5.000.000 đồng; trong đó, Thái Văn Đ sử dụng 200.100.000 đồng, Hoàng Văn G sử dụng 3.500.000 đồng, Trần Viết T sử dụng 1.500.000 đồng, Nguyễn Văn T1 sử dụng 20.000.000 đồng; tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 225.100.000 đồng; Võ Trung H không tham gia đánh bạc nhưng là người rủ rê, chuẩn bị cho các bị cáo đánh bạc và đứng ra cho các bị cáo đánh bạc chịu nợ tiền. Sau khi đánh bạc xong, Đ thua hết tiền nên nảy sinh ý định thuê xe ô tô tự lái đưa đi cầm cố để lấy tiền trả nợ thua bạc và tiêu xài cá nhân. Theo lời khai của Thái Văn Đ, bị cáo đã nhờ Nguyễn Văn Nh làm giả lấy giấy tờ xe ô tô biển kiểm soát 37A - 653.67 và giấy phép lái xe mang tên Đ, sau đó, dùng các giấy tờ giả này để lừa đảo, chiếm đoạt số tiền 600.000.000 đồng của anh Đậu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2. Hành vi của bị cáo Thái Văn Đ đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Đánh bạc” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174, điểm b khoản 2 Điều 321 và khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo Võ Trung H, Hoàng Văn G, Trần Viết T và Nguyễn Văn T1 đã phạm tội “Đánh bạc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đã truy tố và bản luận tội của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án, vị trí, vai trò của các bị cáo trong vụ án: Vụ án thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm xã hội, các bị cáo đã lợi dụng khu vực ngôi nhà không có người ở để đánh bạc với số tiền lớn, gây mất trị tự an ninh, an toàn xã hội, ảnh hưởng lớn đến đời sống của nhân dân tại địa phương. Các bị cáo Thái Văn Đ, Hoàng Văn G, Trần Viết T, Nguyễn Văn T1 phạm tội “Đánh bạc” với vai trò thực hành; bị cáo Võ Trung H phạm tội với vai trò giúp sức. Bị cáo Thái Văn Đ sau khi đánh bạc bị thua đã sử dụng tài liệu giả để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của các cơ quan Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính. Do đó, cần xét xử nghiêm minh để răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ hình sự trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo của các bị cáo:

Đối với bị cáo Thái Văn Đ, đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng nên thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm h Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân xấu, ngoài các lần phạm tội còn bị xử phạt vi phạm hành chính và đưa vào trường giáo dưỡng nhưng không lấy đó làm bài học, tu chí rèn luyện bản

thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để cải tạo, giáo dục bị cáo. Bị cáo phạm nhiều tội nên cần căn cứ Điều 55 của Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt khi quyết định hình phạt.

Đối với bị cáo Võ Trung H, phạm tội không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu, đã 02 lần bị xử lý hành chính và 03 lần bị kết án nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo. Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú; trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có công tố giác tội phạm về ma túy, được Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Thanh Thủy có công văn xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét thấy, bị cáo không tham gia đánh bạc mà chỉ đồng phạm với vai trò giúp sức, phạm tội có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 nên căn cứ Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo mức hình phạt dưới thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là cũng đủ nghiêm. Bị cáo ngày 29 tháng 7 năm 2021, tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 205/2021/HS-ST, bị Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” nên căn cứ quy định Điều 56 của Bộ luật Hình để tổng hợp hình phạt và buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1, phạm tội không có tình tiết tăng nặng nhưng có nhân thân xấu, đã từng 03 lần bị Tòa án xét xử về tội “Trộm cắp tài sản” vào năm 2012 nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo. Bị cáo sau khi phạm tội đã ra đầu thú; trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo mặc dù sử dụng số tiền đánh bạc nhiều thứ hai trong số các bị cáo nhưng cũng cần xem xét, xét xử bị cáo dưới thấp nhất của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, trong thời gian chuẩn bị xét xử, bị cáo phạm tội mới và bị Tòa án nhân dân huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An xử phạt 10 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 114/2021/HS-ST ngày 15 tháng 11 năm 2021. Bản án chưa có hiệu lực pháp luật nên việc tổng hợp hình phạt sẽ thực hiện khi Tòa án có thẩm quyền ra quyết định thi hành án.

Đối với bị cáo Trần Viết T, phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo trong quá trình sinh sống tại địa phương, đã có thành tích xuất sắc trong P trào toàn dân ủng hộ phòng chống dịch Covid - 19, được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã Nghi Trung, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An tặng giấy khen nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xét bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc ít, phạm tội lần đầu, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nhân thân tốt, có

nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự **giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương là cũng đủ nghiêm.**

Đối với bị cáo Hoàng Văn G, phạm tội không có tình tiết tăng nặng. Sau khi phạm tội, bị cáo đã ra đầu thú; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có công tố giác tội phạm về ma túy, được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa có giấy xác nhận nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo năm 2016 bị xử phạt hành chính, do không có mặt tại địa phương nên chưa thi hành nhưng nay đã khắc phục. Xét bị cáo phạm tội lần đầu, số tiền đánh bạc ít, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo dưới sự **giám sát, giáo dục của Chính quyền địa phương là cũng đủ nghiêm.**

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Quốc T đã nhận lại chiếc xe ô tô cho Thái Văn Đ thuê và không yêu cầu bồi thường về dân sự. Anh Đậu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2 là người đã nhận cầm cố xe ô tô yêu cầu bị cáo Thái Văn Đ bồi thường số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai, số loại: Tucson 2.0 FULL, màu đen, sản xuất năm 2019, biển kiểm soát 37A - 653.67 đã trả lại cho anh Nguyễn Quốc T. Đối với 01 chiếc cH nhựa màu xanh, 01 chiếc chần màu đỏ và 05 bộ bài tú lơ khơ không có giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy. Đối với 04 chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Thái Văn Đ, Võ Trung H, Hoàng Văn G và Trần Viết T là phương tiện để các bị cáo liên lạc để đi đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 10.000.000 đồng anh Nguyễn Thành V giao nộp và đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An, do bị cáo Thái Văn Đ còn phải thi hành nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho anh Đậu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2 nên cần tạm giữ để bảo đảm cho việc thi hành án.

[8] Về các biện pháp tư pháp khác: Đối với số tiền 60.000.000 đồng bị cáo Võ Trung H nhận của bị cáo Trần Viết T nhưng chưa giao lại cho đối tượng tên P, xét thấy, đây là quan hệ dân sự giữa hai bên, không phải là số tiền thu lợi bất chính nên không có căn cứ để truy thu sung ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền 110.100.000 đồng, bị cáo Thái Văn Đ chuyển vào tài khoản của bị cáo Trần Viết T để trả nợ tiền đánh bạc, T đã trả cho P và Võ Trung H 100.000.000 đồng, số tiền 10.100.000 đồng còn lại cần truy thu tại Trần Viết T để sung vào Ngân sách Nhà nước.

[9] Về án phí sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật, bị cáo Thái Văn Đ còn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm

theo giá ngạch tương ứng với số tiền phải bồi thường cho anh Đậu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2.

[10] Đối với đối tượng tên P theo lời khai của các bị cáo là người đã tham gia đánh bạc với các bị cáo, không có lai lịch, địa chỉ cụ thể và Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm Y, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là người theo lời khai của Thái Văn Đ đã làm giả các giấy tờ xe cho Đ, hiện tại, Nh không có mặt ở địa phương nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh. Đối với Lê Duy T, sinh năm 1993; địa chỉ: Xóm M, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An là người được Võ Trung H nhờ mua 10 bộ bài tú lơ khơ nhưng không biết việc nhờ mua để đánh bạc nên không có căn cứ xử lý. Đối với Nguyễn Trọng H, sinh năm 1978; địa chỉ: Khối 1, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An là người đã được Thái Văn Đ nhờ đi rút tiền và đi cùng Đ lên huyện A nhưng không biết việc Đ nhờ rút tiền để trả tiền đánh bạc và sử dụng giấy tờ giả để cầm cố xe nên không có căn cứ để xử lý. Đối với Võ Trung H, là người được Thái Văn Đ nhờ đứng tên ký hợp đồng thuê xe, H không biết mục đích Đ thuê xe là để cầm cố nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Thái Văn Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội “Đánh bạc” và tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; các bị cáo Võ Trung H, Hoàng Văn G, Trần Việt T và Nguyễn Văn T1 phạm tội “Đánh bạc”.

2. Căn cứ điểm a khoản 4 điều 174, điểm b khoản 2 Điều 321, khoản 1 Điều 341, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 55 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Thái Văn Đ 13 (Mười ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, 03 (Ba) năm tù về tội “Đánh bạc”, 09 (Chín) tháng tù về tội “Sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt của 03 tội, buộc bị cáo Thái Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 16 (Mười sáu) năm 09 (Chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 29 tháng 3 năm 2021); miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Thái Văn Đ.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 56 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Võ Trung H 12 (Mười hai) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 06 (Sáu) tháng tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản” tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 205/2021/HS-ST ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, buộc bị cáo Võ Trung H phải chấp hành hình phạt chung là 18 (Mười tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 30 tháng 3 năm 2021); miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Võ Trung H.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T1 18 (Mười tám) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian

đã tạm giữ từ ngày 31 tháng 3 năm 2021 đến ngày 09 tháng 4 năm 2021; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm t khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Hoàng Văn G 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Hoàng Văn G,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s, điểm v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Viết T 15 (Mười lăm) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách 30 (Ba mươi) tháng, tính từ ngày tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo Trần Viết T.

Giao bị cáo Hoàng Văn G cho Ủy ban nhân dân xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An và giao bị cáo Trần Viết T cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo Hoàng Văn G và Trần Viết T có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật Dân sự; buộc bị cáo Thái Văn Đ phải bồi thường cho anh Đâu Trường Đ và chị Nguyễn Thị T2 số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Truy thu số tiền 10.100.000 đồng (Mười triệu, một trăm nghìn đồng) của bị cáo Trần Viết T nộp vào ngân sách Nhà nước.

- Tạm giữ số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) do anh Nguyễn Thành V giao nộp hiện đang gửi tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An Biên bản giao nhận số 41/2021/BBBG-KBNA(VNĐ) ngày 18 tháng 8 năm 2021 giữa Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Kho bạc Nhà nước tỉnh Nghệ An để bảo đảm cho việc thi hành.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc cH nhựa màu xanh vàng kích thước 1,8 x 2 mét, 01 chiếc chăn màu đỏ, kích thước 1,6 x 1,8 mét và 05 bộ bài tú lơ khơ; tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen bên trong lắp sim số 0901289589 thu giữ của bị cáo Hoàng Văn G, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 màu đen bên trong lắp sim số 0944560777 thu giữ của Võ Trung H, 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen bên trong lắp sim số 0915149595 thu giữ của Thái Văn Đ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám bên trong lắp sim số 0966457458 thu giữ của Trần Viết T. Đặc điểm, tình trạng các vật chứng có tại Biên bản giao nhận vật chứng ngày 17 tháng 9 năm 2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nghệ An và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

5. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, điểm c khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; buộc Thái Văn Đ, Võ Trung H, Hoàng Văn G, Trần Viết T và Nguyễn Văn T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm; buộc bị cáo Thái Văn Đ phải chịu 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) án phí Dân sự sơ thẩm.

6. Các bị cáo Thái Văn Đ, Võ Trung H, Hoàng Văn G, Trần Viết T và Nguyễn Văn T1, người bị hại anh Đậu Trường Đ có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị T2, anh Nguyễn Quốc T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- CQCSĐT CA tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam CA tỉnh Nghệ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- Phòng PV06 CA tỉnh Nghệ An;
- UBND xã L;
- UBND xã H;
- UBND xã N;
- UBND xã N;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Hà

